

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP MÔN THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
KHÓA 8 (2016-2018) - ĐỢT 1, NGÀY THI 28/04/2018**

*Kèm theo QĐ số /QĐ-ĐV ngày tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng
Trường Trung cấp Đại Việt Thành phố Hồ Chí Minh)*

Địa điểm thi: Số 01 Đoàn Kết, Phường Bình Thới, Quận Thủ Đức, Tp HCM

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Tên	Ngày sinh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
Ngành Dược Sĩ								
1	24635947	D01	Nguyễn Vũ	Thành	04/11/1992	8.0	Tám	
2	261303928	D02	Võ Hữu	Tùng	10/12/1993	8.5	Tám rưỡi	
3	152059997	D04	Nguyễn Thị	Bình	23/11/1983	7.0	Bảy	
4	152059414	D05	Trịnh Viết	Hùng	10/04/1980	7.0	Bảy	
5	25845487	D06	Lê Văn Ngọc	Minh	12/09/1999	6.0	Sáu	
6	24779072	D07	Cao Hoài	Thiện	24/01/1991	5.0	Năm	
7	285265169	D08	Bùi Thị Thanh	Nguyệt	27/03/1990	7.5	Bảy năm	
8	25916919	D09	Nguyễn Minh	Thư	01/06/1997	8.0	Tám	
9	273422707	D10	Nguyễn Thị Huyền	Viễn	21/05/1993	7.0	Bảy	
10	187037388	D11	Nguyễn Thị	Hải	02/07/1993	8.5	Tám năm	
11	215529620	D12	Nguyễn Lê Thúy	Trúc	01/01/2001	6.5	Sáu năm	
12	281020067	D13	Phạm Thị Ngọc	Dung	06/01/1988	8.0	Tám	
13	25804465	D14	Trương Huỳnh Hoàng	My	12/07/1988	7.5	Bảy năm	
14	141050593	D15	A	Quynh	28/08/1978	5.0	Năm	
Ngành Y Sĩ								
1	261453657	Y01	Nguyễn Quang	Chí	01/07/1996	6.0	Sáu	
2	24330938	Y02	Nguyễn Thị Thanh	Châu	13/09/1990	8.0	Tám	
3	241266430	Y03	Nguyễn Thị	Diệu	10/09/1991	7.0	Bảy	
4	183672034	Y04	Bùi Hà	Giang	20/08/1990	8.0	Tám	
5	215420752	Y05	Quách Thị Bích	Hà	18/06/1997	7.0	Bảy	
6	273648801	Y06	Lê Thị	Hiền	26/01/1996	6.0	Sáu	
7	371783748	Y07	Nguyễn Quốc	Khánh	09/06/1998	7.0	Bảy	
8	23879824	Y08	Nguyễn Thị Hồng	Lan	15/08/1986			Vắng thi
9	215338683	Y09	Trần Ngọc	Lợi	03/09/1996	6.0	Sáu	
10	312224069	Y10	Nguyễn Thị Thảo	Ly	05/05/1993	8.0	Tám	
11	311860361	Y11	Trần Minh	Lý	16/08/1985	9.0	Chín	
12	261452924	Y12	Võ Quốc	Mỹ	08/06/1996	5.0	Năm	
13	25673279	Y13	Nguyễn Hồng	Ngọc	16/02/1995	5.0	Năm	
14	330953066	Y14	Nguyễn Hữu	Tam	15/1/1973	8.0	Tám	
15	24993562	Y15	Lê Thị Yến	Thạch	25/11/1972	7.0	Bảy	
16	251029418	Y16	Trần Đức	Thành	27/02/1997	6.0	Sáu	
17	24066680	Y17	Nguyễn Viết	Thục	30/03/1988	7.0	Bảy	
18	260893049	Y18	Phạm Ngọc	Tiến	10/02/1982	9.0	Chín	
19	22561001	Y19	Nguyễn Hữu	Tiến	25/04/1998	7.0	Bảy	

20	221452850	Y20	Nguyễn Đông	Tín	27/10/1998	7.0	Bảy	
21	31097150	Y21	Nguyễn Ngọc	Tuân	02/09/1980	8.0	Tám	
22	141071113	Y22	Đào Thái	Xuong	26/01/1995	7.0	Bảy	
23	25615661	Y23	Chu Thị	Yến	10/04/1982	8.0	Tám	
24	121100611	Y24	Đặng Thanh	Mai	17/09/1992	7.0	Bảy	
25	301505818	Y25	Hồ Thị Kim	Phượng	17/11/1994	9.0	Chín	
26	131051615	Y27	Trần Thị Mỹ	Duyên	06/10/1994	7.0	Bảy	
27	142079963	Y30	Nguyễn Quang	Khải	14/03/1983	7.0	Bảy	
28	215064992	Y33	Tạ Thị Ánh	Nguyệt	15/07/1988	7.0	Bảy	
29	248431112	Y34	Cao Văn	Phan	29/06/1989	6.0	Sáu	
30	121077520	Y39	Vô Thị	Thương	21/10/1986	7.0	Bảy	
31	272625451	Y40	Nguyễn Đông	Phuong	25/10/1998	7.0	Bảy	
32	261495212	Y41	Đặng Thị Thanh	Huyền	20/7/1997	6.0	Sáu	
33	25721604	Y42	Ngô Thị Thu	Thảo	30/10/1998	7.0	Bảy	
34	231231854	Y43	K'Sor	H'Liên	26/02/1997	7.0	Bảy	
35	261483507	Y44	Nguyễn Trung	Trúc	27/02/1998	7.0	Bảy	
36	184166569	Y45	Trần Mai Phương	Linh	20/04/1995	7.0	Bảy	
37	1121080634	Y46	Đỗ Quang	Hùng	28/01/1988	8.0	Tám	
38	24350206	Y46	Hoàng Quang	Tùng	31/07/1989	7.0	Bảy	
39	215451910	Y48	Nguyễn Thị	Nhị	26/11/1998	7.0	Bảy	
Ngành Sư Phạm Mầm Non								
1	191770908	S01	Mai Thị Kim	Anh	06/04/1992	6.3	Sáu ba	
2	174705351	S02	Nguyễn Thị	Biên	10/02/1995	7.0	Bảy	
3	111051818	S03	Hồ Thị	Bình	23/10/1988	6.8	Sáu tám	
4	25474221	S04	Đinh Thị Hồng	Đào	05/05/1994	7.8	Bảy tám	
5	301425299	S05	Ngô Thị	Diễm	05/04/1992	7.0	Bảy	
6	24390579	S06	Nguyễn Thị Hồng	Hà	29/08/1990	8.5	Tám năm	
7	215371786	S07	Châu Ngọc	Hân	02/07/1994	6.5	Sáu năm	
8	251027437	S08	Trương Thị Huỳnh	Hương	24/09/1995			Hoàn thi
9	362414349	S09	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	01/01/1993	7.0	Bảy	
10	261309971	S10	Nguyễn Thị Bé	Lành	20/06/1994	7.5	Bảy năm	
11	215312052	S11	Nguyễn Thị	Liên	20/12/1992	7.5	Bảy năm	
12	221328218	S12	Nguyễn Thị Trúc	Linh	10/06/1992	8.3	Tám ba	
13	261392664	S13	Trần Thị	Mến	09/11/1996	7.0	Bảy	
14	273176613	S14	Phan Phạm Hoài	Nhân	18/05/1986	6.5	Sáu năm	
15	245305382	S15	Hoàng Thị Kim	Nhi	16/01/1996	8.3	Tám ba	
16	23589228	S16	Trần Thị Cẩm	Nhung	03/05/1985	7.0	Bảy	
17	24950273	S17	Lê Thị Cẩm	Nhung	11/01/1992	8.8	Tám tám	
18	24711573	S18	Phan Thị Sao	Ni	02/02/1975	7.5	Bảy năm	
19	250912874	S19	Đặng Thị Hồng	Oanh	02/11/1995	6.5	Sáu năm	
20	221261158	S20	Bùi Thị	Thanh	03/01/1992			Vắng thi
21	25557061	S21	Trịnh Thị Mai	Thọ	03/06/1996	6.5	Sáu năm	
22	187460957	S22	Chu Thị	Thom	19/01/1998	6.5	Sáu năm	
23	151189964	S23	Nguyễn Thị	Thương	01/07/1986			Vắng thi
24	261504053	S24	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	29/08/1998	7.5	Bảy năm	
25	249371115	S25	Nguyễn Thị Diễm	Trâm	07/12/1991	8.8	Tám tám	

26	174691818	S26	Lê Thị	Tuyển	17/06/1996	7.3	Bảy ba	
27	187325671	S27	Nguyễn Thị	Vui	19/08/1994	7.3	Bảy ba	
28	24498155	S34	Phạm Nguyễn Việt	Anh	07/02/1988	6.0	Sáu	
29	215310646	S35	Bùi Thị Trúc	Mai	15/08/1995	7.5	Bảy năm	
30	272072825	S36	Nguyễn Thị Ý	Như	05/04/1991	8.8	Tám tám	
31	141188746	S37	Đàm thị	Liên	05/10/1988	7.5	Bảy năm	
32	141188741	S38	Nguyễn Thị	Linh	13/03/1995	6.8	Sáu tám	
33		S41	Đào Thị Phương	Thảo	22/09/1990	8.5	Tám năm	
XÂY DỰNG								
1	121092598	X02	Nguyễn Xuân	Dũng	10/10/1995	8.0	Tám	

Lưu ý: Mọi thắc mắc (không có tên trong danh sách, sai thông tin....)
liên hệ phòng Đào tạo - CTHSSV. SĐT: 0942.484.919 (Cô Hà)

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP